

# Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và môi trường

○ QUÝ TÂM

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà vừa ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.*

## Xác định mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025

Về ứng phó với BĐKH, ngành TN&MT đặt mục tiêu nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm góp phần chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, BĐKH; triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH và Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH. Hướng tới giảm 7,3% tổng lượng phát thải khí nhà kính (KNK) so với kịch bản phát triển thông thường (BAU) theo lộ trình thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC). Về quản lý tài nguyên, ngành TN&MT tiếp tục điều tra, đánh giá tiềm năng, giá trị của các nguồn tài nguyên quan trọng. Hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ, hồ sơ địa chính; 85% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000; 80% diện tích vùng biển và hải đảo được bay đo từ trọng lực tỷ lệ 1:25.000; 30% diện tích được điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1:100.000. Quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia. Bảo đảm 80% hồ chứa lớn được kiểm soát, giám sát để duy trì dòng chảy tối thiểu của các lưu

vực sông; 70% lưu vực sông lớn, quan trọng có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến. Về BVMT, phấn đấu đến năm 2025, xử lý 100% cơ sở gây ÔNMT nghiêm trọng. Từng bước kiểm chế xu hướng ÔNMT không khí ở các đô thị lớn. 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý; phấn đấu tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp dưới 30% tổng lượng chất thải được thu gom; 100% chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom, xử lý. Bảo đảm 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% đối với các đô thị từ loại V trở lên được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường. Xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, di-ô-xin. Góp phần bảo đảm độ che phủ rừng được duy trì ở mức 42%; 13 khu đất ngập nước Ramsar, 12 khu dự trữ sinh quyển được thành lập và công nhận. Tăng diện tích các khu đất ngập nước quan trọng

được bảo vệ; có ít nhất 10 loài nguy cấp được đưa vào chương trình bảo vệ.

Bộ TN&MT xác định hàng loạt các giải pháp thực hiện mục tiêu này. Đó là: Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý TN&BVMT; tập trung hoàn thiện chính sách pháp luật, kiện toàn hệ thống cơ quan QLNN; nâng cao năng lực và hiệu quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tăng cường giám sát thực thi pháp luật; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong ứng phó với BĐKH, quản lý TN&BVMT; đổi mới cơ chế tài chính, tăng chi ngân sách và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư; chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT. Đối với chuyên đề về quản lý tài nguyên, BĐKH; BVMT cũng xác định các giải pháp cụ thể, phù hợp.

## Ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường

Trong ứng phó với BĐKH, tiếp tục xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH: Xây dựng và phát

triển năng lực nghiên cứu, ưu tiên nghiên cứu cơ bản để phục vụ dự báo, cảnh báo và phân vùng rủi ro thiên tai; phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng; ứng dụng công nghệ chuẩn hóa và hiện đại. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn; xây dựng hệ thống giám sát BĐKH, nước biển dâng; hệ thống quan trắc tại biển địa chất và phòng chống thiên tai; tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống giám sát bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL bằng công nghệ viễn thám. Cập nhật, cụ thể hóa Kịch bản BĐKH, nước biển dâng; xây dựng và cập nhật phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai của cả nước và chi tiết đến từng vùng, miền, địa phương. Tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định số 1055/QĐ-TTg; phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với BĐKH dựa trên hệ sinh thái (EbA), dựa vào cộng đồng (CbA) và dựa vào tự nhiên (NbS).

Triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn: Đánh giá rủi ro do BĐKH theo vùng, miền; cập nhật các bản đồ nguy cơ ngập lụt theo kịch bản nước biển dâng đến cấp xã. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn ở các vùng ven biển, nhất là ở ĐBSCL. Giảm phát thải KNK, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các

hệ sinh thái: Thực hiện kiểm kê quốc gia KNK định kỳ 2 năm một lần. Áp dụng các biện pháp công nghệ và quản lý để giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải; khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường; chuẩn bị cho việc triển khai các công cụ định giá các-bon, xây dựng cơ sở pháp lý và hình thành thị trường các-bon, thuế, phí các-bon. Hướng dẫn triển khai, giám sát thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật của Việt Nam; xây dựng và thực hiện Chương trình hỗ trợ thực hiện NDC của Việt Nam đến năm 2030; cập nhật định kỳ 5 năm theo yêu cầu của Thỏa thuận Paris về BĐKH; xây dựng danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK; thiết lập hệ thống quốc gia về giám sát, báo cáo, thẩm định (MRV) cho các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính. Thực hiện các nhiệm vụ của Bộ TN&MT trong Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH, kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH quốc gia và các kế hoạch có liên quan. Điều phối tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn.

Trong BVMT, chủ động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường: Nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chủ các nguồn thải; chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giám sát chặt chẽ các cơ sở có nguy cơ gây

ÔNMT cao, có quy mô xả thải lớn; yêu cầu thực hiện nghiêm quy định về lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, kết nối, truyền số liệu trực tiếp cho cơ quan quản lý môi trường. Xây dựng quy định tiêu chí môi trường để lựa chọn, quyết định đầu tư phát triển. Phân loại các dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, chủ động phòng ngừa, kiểm soát nhóm các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Hoàn thiện quy định pháp luật, bổ sung đánh giá tác động môi trường sơ bộ đối với các dự án có tác động môi trường cao; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường,... Khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân: Tiếp tục điều tra, đánh giá, khoanh vùng và cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật, các khu vực ô nhiễm chất độc di-ô-xin; thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường trong và sau khai thác khoáng sản; kiểm soát, ngăn chặn, xử lý ô nhiễm môi trường nông thôn, đặc biệt ở các làng nghề; xây dựng các tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia,... Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Rà soát, hoàn thiện thể chế quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên mới, bảo vệ các hành lang đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế. Chú trọng bảo vệ, khai thác hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên; tiếp tục xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái. ■